

Bản án số: 387/2024/DS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miến

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị N, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Số 665-667, đường T U, khóm 3, phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Cái N, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; văn bản ủy quyền ngày 08/3/2024 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Thành L, sinh ngày: 01/01/1981; địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường T T, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Đông D, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 41, đường N T T, Phường 8, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau; văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV N K; địa chỉ trụ sở: Khu đô thị B Đ, đường D1, ấp B Đ, xã L V L, thành phố Cà M; đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Thành L; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Khóm 6, phường T T, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Thành L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Bà Lưu Thị N cho ông Tạ Thành L - Giám đốc Công ty TNHH MTV N K (Công ty N K) mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng. Ông L đại diện Công ty N K đến Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau) ký hợp đồng vay tiền. Bà N cùng đến ngân hàng ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo lãnh cho khoản vay của Ông L số tiền 4.000.000.000 đồng. Theo đó, hai bên có viết xác nhận không ghi ngày tháng năm, nội dung Ông L mượn sổ nhà, đất của Bà N để thế chấp vay tại Ngân hàng Đại Dương. Phần nợ của Ông L là 2.500.000.000 đồng, phần nợ của Bà N là 1.500.000.000 đồng. Khi vay Ông L có xác nhận khi nào thanh toán được công trình sẽ trả cho Bà N nợ gốc và lãi ngân hàng. Ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng Công ty N K vay Ngân hàng nên Bà N bỏ tiền ra thanh toán xong khoản vay 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng. Quá trình vay ông có trả được 1.700.000.000 đồng vào tháng 12/2022 trong số tiền 2.500.000.000 đồng, còn nợ 800.000.000 đồng. Bà N khởi kiện yêu cầu ông Tạ Thành L trả số tiền nợ gốc bằng 800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 01/2023 đến ngày xét xử là 12 tháng lãi suất 1,66%/tháng bằng 159.360.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi là 100.000.000 đồng.

Theo bị đơn trình bày: Ông Tạ Thành L thừa nhận ngày 08/6/2020 có nhờ bà Lưu Thị N thế chấp nhà, đất số 665-667 đường Tạ Uyên, khóm 3, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do Bà N đứng tên bảo lãnh cho số tiền công ty N K vay 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau.

Sau đó, hai bên có làm giấy xác nhận Ông L có trách nhiệm trả nợ vay số tiền 2.500.000.000 đồng, Bà N trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông L đã trả được 1.700.000.000 đồng cho Bà N. Khoảng tháng 8/2019 đến cuối năm 2022 Ông L là người trả lãi số tiền vay 4.000.000.000 đồng, Bà N không trả tiền lãi. Ông L không đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Bà N, vì cho rằng khoản vay là của Công ty N K không phải của cá nhân ông, Công ty N K mới là bên trả nợ.

Đại diện Công ty N K (ông Tạ Thành L) trình bày: Công ty thống nhất còn nợ bà Lưu Thị N số tiền 800.000.000 đồng, yêu cầu đối trừ tiền lãi của số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, công ty đã trả lãi ngân hàng thay cho Bà N như sau: Thời gian 03 năm 02 tháng x 09%/năm x 1.500.000.000 đồng = 427.500.000 đồng. Đối trừ nợ gốc 800.000.000 đồng - 427.500.000 đồng = 372.500.000 đồng số tiền gốc + 33.525.000 đồng lãi (9%/năm) = 406.025.000 đồng. Công ty thống nhất trả cho Bà N 406.025.000 đồng, không thống nhất trả 800.000.000 đồng vốn và lãi 100.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, quyết định: Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận khởi kiện của bà Lưu Thị N. Buộc ông Tạ Thành L thanh toán cho bà Lưu Thị N số tiền 900.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, ông Tạ Thành L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm; không buộc Ông L trả cho Bà N số tiền 900.000.000 đồng; buộc Công ty TNHH MTV N K trả cho Bà N số tiền 406.025.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Thành L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Tạ Thành L đại diện Công ty N K ký hợp đồng vay số: 0035/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 11/12/2020 với Ngân hàng Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau, số tiền 4.000.000.000 đồng. Tài sản thế chấp bảo lãnh đảm bảo hợp đồng vay là quyền sử dụng đất diện tích 618,8m² thuộc thửa 477 tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại Phường 9, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 889026, đứng tên ông Trần Văn Hiện và bà Lưu Thị N. Khi vay tiền, Ông L với Bà N có giấy thỏa thuận (không ngày, tháng, năm) thể hiện: Trong 4.000.000.000 đồng giải ngân, Ông L nhận nợ 2.500.000.000 đồng, Bà N nhận nợ 1.500.000.000 đồng. Các bên thừa nhận tháng 12/2022, Ông L có chuyển 1.700.000.000 đồng để Bà N tất toán xong số tiền còn lại của hợp đồng vay. Bà N yêu cầu Ông L trả nợ gốc 800.000.000 đồng (2.500.000.000đ – 1.700.000.000đ) và nợ lãi 100.000.000 đồng. Ông L cho rằng khoản nợ vay là của pháp nhân Công ty N K nên không đồng ý trả nợ với tư cách cá nhân. Thống nhất Công ty N K sẽ trả nợ cho Bà N số tiền 406.025.000 đồng vì phải đối trừ tiền công ty nộp lãi cho phần nợ 1.500.000.000 đồng Bà N vay trong thời gian 03 năm 02 tháng.

[2] Xét tranh chấp số tiền vay 800.000.000 đồng giữa Bà N và Ông L phát sinh từ hợp đồng cho vay số: 0035/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNCAMAU ngày 11/12/2020, giữa Ngân hàng Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau với Công ty N K. Tại giấy xác nhận không ghi ngày tháng năm thể hiện tên ông Tạ Thành L, giám đốc công ty TNHH MTV N K (gọi tắt là Công ty) có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lưu Thị N để thế chấp vay tại Ngân hàng Đại Dương số tiền 4.000.000.000 đồng, phần nợ của Ông L 2.500.000.000 đồng, phần nợ của Bà N 1.500.000.000 đồng. Ông L, Bà N ký tên vào giấy xác nhận nợ, không có dấu đóng của công ty. Đồng thời, theo hợp đồng Công ty N K đứng vay, mục đích mua cát san lấp. Thực tế có chứng cứ thể hiện Ông L sử dụng tiền vay này cho nhu cầu

cá nhân là mua đất rừng tại huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang. Từ đó, án sơ thẩm xác định biên nhận nợ là tư cách cá nhân của Ông L nên buộc Ông L phải trả cho Bà N số tiền vay gốc còn nợ 800.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Việc yêu cầu đòi trừ lãi vay, Công ty N K đã thanh toán với Ngân hàng Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau của khoản nợ 1.500.000.000 đồng phần nợ của Bà N, thấy rằng: Công ty N K là bên vay tiền, Bà N là bên thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay. Hợp đồng thế chấp số: 0010/2019/HĐTC ngày 03/6/2019, bên thế chấp ông Trần Văn Hiện, bà Lưu Thị N; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 0010/2019/HĐTC ngày 29/7/2019; Hợp đồng vay số: 0007/2022 ngày 23/5/2022, thời hạn vay 12 tháng; Giấy nhận nợ số 01.0007/2022 cho vay 4.000.000.000 đồng, tất cả đều không thể hiện Bà N có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi đối với số tiền 1.500.000.000 đồng trong khoản tiền 4.000.000.000 đồng của Công ty N K được ngân hàng giải ngân. Hơn nữa, biên nhận nợ không ghi ngày tháng năm cũng không thể hiện Bà N phải có nghĩa vụ thanh toán lãi cho Ông L đối với số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông L và Công ty N K không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Bà N phải có nghĩa vụ trả lãi đối với khoản tiền trên nên không có cơ sở đòi trừ nợ gốc theo yêu cầu của Ông L và Công ty.

[4] Tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Thành L, cần giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M. Kháng cáo không được chấp nhận nên Ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Thành L; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng các điều 357, 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc ông Tạ Thành L thanh toán cho bà Lưu Thị N số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông L không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị N không phải nộp, ngày 19/02/2024 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 20.390.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà M theo biên lai thu số 0008073 được nhận lại.

Ông Tạ Thành L phải nộp số tiền 39.000.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Thành L phải nộp 300.000 đồng, ngày 05/7/2024 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà M theo biên lai thu số 0008963 được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân